

※ 번역문은 민원 신청을 위한 참고용이며, 기존의 한글 서식에 한글로 작성하여 제출해야 함을 유의해주시기 바랍니다.
※ Lưu ý bản dịch chỉ mang tính chất tham khảo khi đăng ký các vụ việc dân sự; đơn phải được điền bằng tiếng Hàn theo mẫu tiếng Hàn hiện có.

불법체류외국인 자진출국 신고서
ĐƠN KHAI BÁO TỰ NGUYỆN XUẤT CẢNH CHO NGƯỜI NƯỚC
NGOÀI LƯU TRÚ BẤT HỢP PHÁP

인적사항 Thông tin cá nhân	성명 Họ tên		생년월일 Năm, tháng, ngày sinh	
	국적 Quốc tịch		성별 남 [] 여 [] Giới tính Nam [] Nữ []	
	연락처 Số điện thoại		여권번호 Số hộ chiếu	
	대한민국 내 주소 Địa chỉ tại Hàn Quốc			
	국내 지인 및 연락처 Người quen tại Hàn Quốc và số điện thoại	한국인 Người Hàn Quốc	성명: 연락처: Họ tên: Số điện thoại:	
		외국인 Người nước ngoài	성명: 연락처: Họ tên: Số điện thoại:	

국내입국일 Ngày nhập cảnh	년 Năm	월 tháng	일 ngày	출국예정일 Ngày xuất cảnh dự kiến	년 Năm	월 tháng	일 ngày
-------------------------	----------	------------	-----------	---------------------------------	----------	------------	-----------

입국 후 체류 행적
Thông tin lưu trú sau khi nhập cảnh

체류기간 Thời gian lưu trú	체류지역 Khu vực lưu trú	취업업체명 / 연락처 등 Tên công ty tuyển dụng/Số điện thoại
FROM Từ ~TO ~ đến		
FROM Từ ~TO ~ đến		
FROM Từ ~TO ~ đến		

과거에 다른 이름으로 한국에 입국하거나 출국한 사실이 있습니까? 예[] / 아니오[]
Trước đây đã từng nhập cảnh hoặc xuất cảnh Hàn Quốc bằng tên khác chưa? Có [] / Không []

기타 신고사항

Nội dung khai báo khác

- 저는 대한민국에서 체류하면서 출입국관리법 위반사실 전부를 숨김없이 자진신고 하였으며, 앞으로 신고한 사항 이외 과거 출입국관리법 위반사실이 발견된 경우 어떠한 불이익도 감수할 것을 확인합니다.
- Tôi tự nguyện khai báo mọi hành vi vi phạm Luật Quản lý xuất nhập cảnh trong khi lưu trú tại Hàn Quốc và tôi xác nhận rằng sẽ chịu mọi chế tài nếu trong tương lai bị phát hiện từng có bất kỳ hành vi phạm Luật Quản lý xuất nhập cảnh nào khác ngoài những hành vi đã khai báo.

	년	월	일
	Năm	tháng	ngày
확인자	(서명 또는 인)		
Người xác nhận	(Kí tên hoặc đóng dấu)		